

Bản án số: 19/2021/DS-PT  
Ngày: 15-6-2021  
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũng**;  
Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Huỳnh Minh Ngôn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:** Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2020/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2021/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trương Thị M, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 49, khối T, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Lê Xuân V, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 138 N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam và bà Đào Thị Nguyên S, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Bà V có mặt, bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Ngô Tấn S là Luật sư của Văn phòng Luật sư Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Trương Quang L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 235 N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trương Thị H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà Trương Thị T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 90/42 H, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị H và bà Trương Thị T: bà Lê Xuân V, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 138 N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam và bà Đào Thị Nguyên S, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Bà V có mặt, bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trương Thị H và bà Trương Thị T: ông Ngô Tấn S là Luật sư của Văn phòng Luật sư Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt.

- Bà Võ Thị H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 235 N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Trương Quang L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trương Thị M trình bày:* ông Trương Quang M (chết năm 1986) và Trần Thị D (chết năm 1963), có 05 người con chung, gồm các ông, bà: Trương Thị M, Trương Thị H, Trương Thị T, Trương Quang L và Trương Quang N. Ông Trương Quang N chết năm 1974, không có vợ, con. Ngoài ra, ông M, bà D không còn con nuôi hay con riêng nào khác. Khi còn sống, ông M, bà D có tạo lập được khối tài sản gồm một ngôi nhà (có tổng diện tích sử dụng  $94,48m^2$ ) gắn liền với đất tại địa chỉ số 235 N, phường S, thành phố, tỉnh Quảng Nam. Diện tích đất này, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg là thửa đất số 312, tờ bản đồ số 1, phường S, thành phố H có diện tích  $152m^2$  do ông Trương Quang M đứng tên đăng ký; đăng ký theo Nghị định 60/CP là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 14 phường S, thành phố H có diện tích  $159,9m^2$  do bà Trương Thị M đứng tên đăng ký, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất. Trước khi chết, ông M, bà D không để lại di chúc. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế là bà M, ông L, bà H, bà T. Bà M, bà H, bà T đề nghị được cùng nhau nhận bằng hiện vật để cùng sở hữu chung nhà, đất do ông M, bà D để lại và cùng nhau thanh toán lại cho ông L giá trị theo kỹ phần ông L được hưởng. Đồng thời, bà M, bà H, bà T tự nguyện trích mỗi người 100.000.000 đồng trong kỹ phần mình được hưởng để giao cho ông L trọn quyền sử dụng vào việc thờ cúng cha, mẹ.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Trương Quang L trình bày:* ngôi nhà gắn liền với đất tại địa chỉ số 235 N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, do ông đang quản lý, sử dụng là tài sản của ông M, bà D để lại. Trước khi chết, ông M, bà D không để lại di chúc. Ông M, bà D có 05 người con chung; ngoài ra, không có con nuôi, con riêng nào khác. Trong đó, ông Trương Quang N chết năm 1974, không có vợ, con đúng như lời trình bày của bà M, bà H, bà T. Hiện nay, bà M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế cho 04 người, mỗi người một phần bằng nhau; trong đó, bà M, bà H, bà

T cùng nhau hưởng 3/4 tổng giá trị tài sản thì ông L không đồng ý. Ông L đề nghị chia di sản do ông M, bà D để lại thành 05 phần, mỗi người hưởng 01 phần còn 01 phần dùng vào việc thờ cúng ông, bà, cha, mẹ. Đồng thời, theo ông L thì cha, mẹ để lại đất nên đề nghị chia bằng đất; trong đó, bà M, bà T, bà H nhận 3/5 trong tổng diện tích đất, có vị trí phía sau ngôi nhà, còn ông L nhận ngôi nhà để ở và thờ cúng cha, mẹ vì ông không có điều kiện kinh tế để thanh toán bằng giá trị cho bà H, bà M, bà T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị H, bà Trương Thị T thống nhất với ý kiến của bà Trương Thị M.*

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2020/DS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 612, 613, 623, 650, 551, 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị M về việc chia thừa kế tài sản do ông Trương Quang M và bà Trần Thị D để lại.

Giao cho bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T được quyền sở hữu chung đối với ngôi nhà (*có tổng diện tích sử dụng 94,48m<sup>2</sup>*) cùng vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất 157m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 14 tại số 235 N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (*có trích lục hồ sơ thửa đất kèm theo*). Bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T có nghĩa vụ kê khai, đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Trương Thị M, bà Trương Thị H và bà Trương Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trương Quang L số tiền 2.794.473.318 đồng; bà Trương Thị M, bà Trương Thị H và bà Trương Thị T mỗi người phải thanh toán cho ông Trương Quang L số tiền 931.491.106 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị M, bà Trương Thị H và bà Trương Thị T về việc mỗi người trích 100.000.000 đồng từ kỷ phần của mỗi người được nhận, giao cho ông Trương Quang L được trọn quyền sử dụng vào việc thờ cúng. Ông Trương Quang L được nhận số tiền 300.000.000 đồng từ sự tự nguyện của bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trương Quang L kháng cáo cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông là bà Võ Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót; buộc các bà Trương Thị H, Trương Thị M, Trương Thị T trích số tiền trong kỷ phần được hưởng để trả tiền công giữ gìn, bảo quản, sửa chữa, tôn tạo và làm nghĩa vụ thuế nhà đất cho vợ chồng ông với số tiền 2.000.000.000 đồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, xét thấy cần thiết nên Tòa án đã bổ sung bà Võ Thị H (*là vợ của bị đơn ông Trương Quang L*) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

[2.1] Giao cho bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T được quyền sử dụng, sở hữu chung đối với ngôi nhà (*có tổng diện tích sử dụng 94,48m<sup>2</sup>*) cùng vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất 157m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 14 tại số 235 đường N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (*có trích lục hồ sơ thửa đất kèm theo*). Bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T có nghĩa vụ kê khai, đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.2] Bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho vợ chồng ông Trương Quang L, bà Võ Thị H số tiền 4.471.157.000 đồng, chia phần bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T mỗi người phải thanh toán số tiền là 1.490.386.000 đồng. Thời hạn thanh toán như sau: thanh toán số tiền 2.000.000.000 đồng trước ngày 16/12/2021; số tiền còn lại 2.471.157.000 đồng thanh toán trước ngày 16/6/2022.

[2.3] Vợ chồng ông Trương Quang L, bà Võ Thị H có nghĩa vụ bàn giao toàn bộ ngôi nhà (*có tổng diện tích sử dụng 94,48m<sup>2</sup>*) cùng vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng diện tích đất 157m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 14 tại số 235 đường N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (*có trích lục hồ sơ thửa đất kèm theo*) cho bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T trước ngày 16/6/2022.

[2.4] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, ông Trương Quang L được miễn (*do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn*); bà Trương Thị T, bà Võ Thị H mỗi người nộp số tiền là 76.712.000 đồng.

[3] Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần phải công nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trương Quang L được miễn (*do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn*).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Quang L, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2020/DS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 612, 613, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Giao cho bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T được quyền sử dụng, sở hữu chung đối với ngôi nhà (*có tổng diện tích sử dụng 94,48m<sup>2</sup>*) cùng vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất 157m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 14 tại số 235 đường N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (*có trích lục hồ sơ thửa đất kèm theo*). Bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T có nghĩa vụ kê khai, đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho vợ chồng ông Trương Quang L, bà Võ Thị H số tiền 4.471.157.000 (*bốn tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu một trăm năm mươi bảy nghìn*) đồng, chia phần bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T mỗi người phải thanh toán số tiền là 1.490.386.000 (*một tỷ bốn trăm chín mươi triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn*) đồng. Thời hạn thanh toán như sau: thanh toán số tiền 2.000.000.000 (*hai tỷ*) đồng trước ngày 16/12/2021; số tiền còn lại 2.471.157.000 (*hai tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu một trăm năm mươi bảy nghìn*) đồng thanh toán trước ngày 16/6/2022.

- Vợ chồng ông Trương Quang L, bà Võ Thị H có nghĩa vụ bàn giao toàn bộ ngôi nhà (*có tổng diện tích sử dụng 94,48m<sup>2</sup>*) cùng vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng diện tích đất 157m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 14 tại số

235 đường N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (có trích lục hồ sơ thừa đất kèm theo) cho bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T trước ngày 16/6/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (đã đến hạn) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Trương Thị M, bà Trương Thị H, ông Trương Quang L được miễn; bà Trương Thị T, bà Võ Thị H mỗi người nộp số tiền là 76.712.000 (bảy mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trương Quang L được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/6/2021).

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Hội An;
- Chi cục THADS thành phố Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Quốc Bảo**